

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2024/DS-ST

Ngày: 16/7/2024

V/v: “Tranh chấp về
hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ - TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Đức.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Minh Toàn và ông Lê Văn Ánh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Khương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Liên – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2024/TLST-DS ngày 03 tháng 01 năm 2024 về việc “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2024/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2024/QĐST-DS, ngày 25 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng A.

Địa chỉ: Tòa nhà Sailing Tower, Số 111A Đường Pasteur, phường Bến Nghé, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Khánh H – Giám đốc xử lý nợ hỗn hợp Miền Nam - Trung tâm Quản lý nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Tế Việt Nam (theo giấy ủy quyền số 172116.23, ngày 25/10/2023 của Tổng giám đốc). Ông H ủy quyền lại cho ông Trần Kiến H, ông Nguyễn Hữu V, ông Điều D – Nhân viên Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc Tế Việt Nam (theo giấy ủy quyền số 030220.24, ngày 21/02/2024)

Địa chỉ: Tầng 6, tòa nhà Paxsky, số 26 Ung Văn Khiêm, phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T – sinh năm 1990.

Địa chỉ: Tổ 1, ấp Ph L, xã Ph S, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

Bà Nguyễn Thị Thùy D – sinh năm 1986.

Địa chỉ: Tổ 21, khu A, thị trấn T Ph, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

(Ông D có mặt và ông T, bà D vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Điều D trình bày:*

Ngày 08/3/2018, Ngân hàng A (viết tắt là Ngân hàng) cho vợ chồng ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Thùy D vay số tiền 600.000.000^d (sáu trăm triệu đồng) theo hợp đồng tín dụng số 0143.HDTC.630.VIB ngày 08/3/2018. Thời hạn vay là 84 tháng, kể từ ngày 10/3/2018 đến ngày 09/3/2025. Lãi suất cho vay là 8,59%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất cho vay trong hạn.

Trong quá trình vay ông T, bà D có thể chấp cho Ngân hàng 01 xe ô tô nhãn hiệu CHEVROLET, biển số 60C-409.74, loại xe ô tô tải PICKUP theo hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 0143.HDTC.630.VIB, ngày 08/3/2018.

Do ông T, bà D không trả nợ đúng thời hạn nên ngày 05/5/2021 Ngân hàng đã tiến hành xử lý chiếc xe ô tô theo hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 0143.HDTC.630.VIB, ngày 08/3/2018, số tiền bán tài sản là 371.000.000 đồng và sau khi trừ các khoản bán đấu giá thì còn lại số tiền 350.996.400 đồng và Ngân hàng đã thu vào một phần dư nợ gốc của Hợp đồng tín dụng ngày 08/3/2018. Ông T, bà D vẫn còn nợ số tiền gốc 56.223.600 đồng

Hiện nay Ông T, bà D đã trả được cho Ngân hàng số tiền 666.755.356 đồng, tiền gốc 543.776.400 đồng, tiền lãi 122.978.956 đồng. Do ông T, bà D vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng chuyển sang lãi quá hạn từ ngày 13/7/2020.

Hiện nay ông T, bà D còn nợ lại số tiền 169.834.021 đồng, trong đó nợ gốc 56.223.600 đồng, nợ lãi trong hạn 4.716.066 đồng, nợ lãi quá hạn 108.894.355 đồng, tất cả tính đến ngày 16/7/2024.

Nay Ngân hàng A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Yêu cầu ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Thùy D phải trả ngay cho Ngân hàng A số tiền 169.834.021 đồng, trong đó nợ gốc 56.223.600 đồng, nợ lãi trong hạn 4.716.066 đồng, nợ lãi quá hạn 108.894.355 đồng, tất cả tính đến ngày 16/7/2024.

Kể từ ngày 17/7/2024, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Thùy D và phải tiếp tục chịu lãi, lãi quá hạn theo hợp đồng tín dụng số 0143.HDTC.630.VIB, ngày 08/3/2018 cho đến khi thi tất toán xong khoản vay.

Đối với hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 0143.HDTC.630.VIB, ngày 08/3/2018 Ngân hàng A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Thùy D:* Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Thùy D không có mặt để trình bày ý kiến mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ. Ông T, bà D không có yêu cầu phản tố.

Tòa án đã tiến hành sao gửi các tài liệu chứng cứ nguyên đơn giao nộp cho bị đơn và thông báo về việc thu thập được tài liệu chứng cứ cho các đương sự.

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự không thay đổi, bổ sung ý kiến, đề nghị của mình; bị đơn T, bà D không có yêu cầu phản tố. Các đương sự

không giao nộp, bổ sung tài liệu chứng cứ nào khác, không yêu cầu triệu tập đương sự, người làm chứng và những người tham gia tố tụng khác.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- *Về tố tụng*: Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Thư ký, nguyên đơn đều tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Bị đơn chưa chấp hành các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đúng thành phần, xét xử đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

- *Về việc giải quyết vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền 169.834.021 đồng, trong đó nợ gốc 56.223.600 đồng, nợ lãi trong hạn 4.716.066 đồng, nợ lãi quá hạn 108.894.355 đồng, tất cả tính đến ngày 16/7/2024.

- *Về chi phí tố tụng và án phí*: Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Nguyễn Văn D có nơi cư trú tại xã Ph S, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai và bị đơn bà Nguyễn Thị Thùy D có nơi cư trú tại thị trấn T Ph, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về tư cách tố tụng: Ngân hàng A khởi kiện ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Thùy D trên cơ sở hợp đồng tín dụng đã ký kết. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ngân hàng A là người khởi kiện ông T, bà D nên xác định tư cách đương sự Ngân hàng A là nguyên đơn và ông T, bà D là bị đơn. Tư cách đương sự được quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về thời hiệu khởi kiện: Căn cứ Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 149 của Bộ luật dân sự năm 2015 do đương sự không yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện nên Tòa án không áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với vụ án.

[1.4] Tổng đạt văn bản tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự. Về tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ đương sự không có ý kiến gì. Ngày 25/6/2024, Tòa án mở phiên tòa nhưng do ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Thùy D vắng mặt lần thứ nhất nên Hội đồng xét xử phải hoãn phiên tòa và ấn định thời gian mở lại phiên tòa là ngày 16/7/2024.

Tại phiên tòa hôm nay, mặc dù ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Thùy D đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T, bà D theo quy định của pháp luật.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Yêu cầu ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Thùy D trả ngay cho Ngân hàng A số tiền 169.834.021 đồng, trong đó gồm có: nợ gốc 56.223.600 đồng, nợ lãi trong hạn 4.716.066 đồng, nợ lãi quá hạn 108.894.355 đồng, tất cả tính đến ngày 16/7/2024.

Kể từ ngày 17/7/2024, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Thùy D phải tiếp tục chịu lãi theo hợp đồng tín dụng số 0143.HĐTD.630.VIB, ngày 08/3/2018 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ vay.

[2.1] Về hình thức của Hợp đồng tín dụng số 0143.HĐTD.630.VIB, ngày 08/3/2018 (viết tắt Hợp đồng tín dụng) giữa Ngân hàng A và ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Thùy D: Ngân hàng A là tổ chức tín dụng được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật các Tổ chức Tín dụng và các quy định khác của pháp luật và được phép cấp tín dụng tiêu dùng.

Tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng ngày 08/3/2018, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Thùy D đã cung cấp các giấy tờ tùy thân, ký tên vào hợp đồng tín dụng từ đó thể hiện việc ký kết hợp đồng dựa trên cơ sở tự nguyện và người ký kết hợp đồng có đầy đủ năng lực hành vi dân sự. Do đó, hợp đồng tín dụng ngày 08/3/2018 đã ký kết đảm bảo về mặt hình thức và có hiệu lực kể từ thời điểm các bên giao kết hợp đồng theo quy định tại Điều 385, Điều 398, Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 của Luật các Tổ chức tín dụng.

[2.2]. Về thực hiện hợp đồng và nghĩa vụ thanh toán: Căn cứ vào hợp đồng tín dụng số 0143.HĐTD.630.VIB, ngày 08/3/2018, đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ, bảng kê tính lãi và các chứng cứ khác có trong vụ án có cơ sở xác định ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Thùy D có ký kết hợp đồng tín dụng ngày 08/3/2018 với Ngân hàng A để vay số tiền 600.000.000 đồng. Ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Thùy D đã được Ngân hàng giải ngân số tiền 600.000.000 đồng thể hiện trong đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ ngày 09/3/2018. Trong quá thực hiện nghĩa vụ ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Thùy D đã thanh toán được cho Ngân hàng số tiền gốc 543.776.400 đồng và còn nợ lại số tiền gốc 56.223.600 đồng. Từ ngày 13/7/2020 ông T, bà D vi phạm nghĩa vụ không thực hiện nghĩa vụ tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc 56.223.600 đồng và Ngân hàng đã chuyển toàn bộ sang nợ quá hạn và khởi kiện là có căn cứ theo thỏa thuận giữa các bên và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 95 của Luật các Tổ chức Tín dụng.

[2.3]. Về yêu cầu trả nợ gốc: Ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Thùy D đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đã được các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng ngày 08/3/2018 và đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ ngày 09/3/2018. Do đó, Ngân hàng A yêu cầu ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Thùy D có nghĩa vụ trả nợ gốc 56.223.600 đồng của hợp đồng tín dụng ngày 08/3/2018 là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 351; Điều 357; Điều 466; Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng.

[2.4]. Về yêu cầu trả tiền lãi: Số tiền lãi trong hạn và tiền lãi quá hạn mà Ngân hàng A yêu cầu ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Thùy D phải trả được tính dựa vào sự thỏa thuận giữa các bên của hợp đồng tín dụng ngày 08/3/2018 và đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ ngày 09/3/2018, thỏa thuận này phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các Tổ chức Tín dụng. Hiện nay, ông Nguyễn Văn T đã thực hiện thanh toán cho Ngân hàng được số tiền lãi 122.978.956 đồng. Từ ngày 13/7/2020, ông T, bà D không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền lãi cho Ngân hàng. Do đó, yêu cầu của Ngân hàng A về việc buộc ông T, bà D có nghĩa vụ trả số tiền nợ lãi trong hạn 4.716.066 đồng, quá hạn 108.894.355 đồng tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 16/7/2024) của hợp đồng tín dụng ngày 08/3/2018 là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.5]. Xét yêu cầu của Ngân hàng A về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Thùy D tiếp tục chịu lãi phát sinh từ ngày 17/7/2024 theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng ngày 08/3/2018 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ nợ vay. Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu này phù hợp với thỏa thuận của các bên được quy định tại hợp đồng tín dụng ngày 08/3/2018 nên có cơ sở để chấp nhận.

[2.6] Xét ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Thùy D vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận, ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của Ngân hàng A. Vì vậy, Ngân hàng A yêu cầu Tòa án buộc ông T, bà D thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.7]. Đối với yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo của Ngân hàng A:

Để đảm bảo khoản vay 600.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng ngày 08/3/2018, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Thùy D có thể chấp cho Ngân hàng 01 xe ô tô nhãn hiệu CHEVROLET, biển số 60C-409.74, loại xe ô tô tải PICKUP theo hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 0143.HĐTC.630.VIB, ngày 08/3/2018. Ngày 29/6/2021, Ngân hàng đã tiến hành thanh lý bán chiếc xe ô tô trên được số tiền 371.000.000 đồng và sau khi trừ chi phí xử lý tài sản 20.003.600 còn lại số tiền 350.996.400 đồng thì Ngân hàng đã chuyển vào thu nợ gốc. Do đó, đối với Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 0143.HĐTC.630.VIB, ngày 08/3/2018, Ngân hàng không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[3] Bị đơn không có yêu cầu phản tố.

[4] Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc 56.223.600 đồng, lãi trong hạn 4.716.066 đồng, lãi quá hạn 108.894.355 đồng, tất cả tính đến ngày 16/7/2024. Tổng cộng số tiền 169.834.021 đồng.

[5] Về chi phí tố tụng: Chi phí tố tụng về cấp, tổng đạt, trên phương tiện thông tin đại chúng là 9.000.000 đồng. Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A được chấp nhận nên ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Thùy D phải chịu chi phí tố tụng về cấp, tổng đạt, trên phương tiện thông tin đại chúng là 9.000.000 đồng. Ngân hàng A đã tạm ứng chi phí tố tụng nên ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Thùy D phải nộp lại số tiền 9.000.000 đồng để hoàn trả cho Ngân hàng A.

[6] Về án phí: Ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Thùy D phải có nghĩa vụ liên đới chịu 8.491.701 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 184, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 351; Điều 357; Điều 385; Điều 398; Điều 401; Điều 463; Điều 466; Điều 468 của Bộ luật dân sự.

- Khoản 2 Điều 91; Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng;

- Khoản 2 Điều 21 của Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A đối với ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Thùy D về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Buộc ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Thùy D phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Ngân hàng A số tiền gốc 56.223.600^d (*năm mươi sáu triệu hai trăm hai mươi ba ngàn sáu trăm đồng*), lãi trong hạn 4.716.066^d (*bốn triệu bảy trăm mười sáu ngàn không trăm sáu mươi sáu đồng*), lãi quá hạn 108.894.355^d (*một trăm lẻ tám triệu tám trăm chín mươi bốn ngàn ba trăm năm mươi năm đồng*), tất cả tính đến ngày 16/7/2024. Tổng cộng số tiền 169.834.021^d (*một trăm sáu mươi chín triệu tám trăm ba mươi bốn ngàn không trăm hai mươi một đồng*).

Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Thùy D còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn của số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 0143.HĐTD.630.VIB, ngày 08/3/2018 và đơn đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ số 0143.HĐTD.630.VIB, ngày 09/3/2018 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ vay.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quy định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Thùy D phải hoàn trả lại cho Ngân hàng A chi phí tố tụng về chi phí cấp tổng đạt trên phương tiện thông tin đại chúng là 9.000.000 đồng.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Thùy D phải nghĩa vụ liên đới chịu số tiền 8.491.701^d (*tám triệu bốn trăm chín mươi một ngàn bảy trăm lẻ một đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho Ngân hàng A số tiền 3.560.000^d (*ba triệu năm trăm sáu mươi ngàn đồng*) theo biên lai số 0002259, ngày 18/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

4. Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 16/7/2024)

Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Thùy D vắng mặt, quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú;
- Các đương sự;
- Lưu./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Bá Đức